

CHƯƠNG 22.

Paris. Cách ngôi nhà tôi ở chừng một trăm mét có một cặp vợ chồng Việt Nam độ sáu mươi tuổi cư ngụ trong một căn của dãy chung cư do chính phủ trợ cấp. Hai ông bà được một cậu con trai du học đã lâu, bảo lãnh sang Pháp. Người chồng dáng dấp hiền lành gầy yếu. Bà vợ cũng xấp xỉ tuổi ông nhưng khoẻ mạnh lanh lợi hơn nhiều. Mỗi lần gặp ông trên đường phố, tôi vẫn chào hỏi. Nhưng kể từ khi nghe câu chuyện “gà gáy” của ông, tôi càng thêm quý mến ông.

Ở Paris, người dân không được quyền nuôi gia súc trong nhà như người Việt Nam vẫn làm nơi quê hương xa lắc. Ông gốc Bến Tre, lại rất mê nghe tiếng gà gáy buổi sáng. Vì vậy, ông cố tìm mua cho được một con gà trống tơ, đem về vuốt ve ngắm nhìn cả ngày không chán.

Thế rồi, một buổi sáng sớm, trái tim ông bỗng như ngừng thở khi nghe tiếng cánh gà đập xoàng xoạc, rồi một giọng gáy cất lên lanh lảnh. Ông nhắm nghiền mắt, say sưa theo tiếng “ò ó o” quen thuộc kéo dài từng chập. Và tưởng như đang nằm trên bộ ván ngựa trong ngôi nhà ba gian ở Bình Đại, Bến Tre.

Đột nhiên, có tiếng bà vợ la lớn: “Ba nó dậy bịt mỏ con gà lại đi, coi chừng phú-lít tới.” Ông hoảng hồn trở về với thực tế, tung chăn phóng ngay xuống bếp, đến bên chuồng gà, giơ tay đập đập lên làn kẽm lưới. Con gà nháy chòm chòm trong chuồng, tiếng kêu quang quác làm nao động hẳn căn bếp. Bà vợ đứng sau lưng ông, la lên bai bai: “Bắt nó ra, bịt mỏ nó lại!” Ông mau chóng làm theo lời vợ, chụp lấy cổ gà bóp nhẹ. Con vật dẫy dụa một lát, sau cùng nằm im chịu trận trong tay ông.

Từ đó, cứ mỗi sáng sớm, ông lại thức giấc, đến bên chuồng gà ngồi canh đợt gáy thứ nhất của nó. Qua đến đợt thứ hai là ông vội vàng chụp lấy mỏ gà nắm chặt, mặc cho đôi cánh nó vùng vẫy lung tung. Gặp tôi giữa đường, ông kể cho nghe câu chuyện mỗi sáng nghe gà gáy, rồi cười: “Đã lắm cô ơi! Tui cứ có cảm tưởng như đang nằm ở quê hương mình mỗi khi nghe nó cất tiếng gáy.”

Bẵng hai tháng sau, gặp lại ông, hỏi thăm về con gà trống tơ, tôi thấy ông lắc đầu: “Mụ quản lý chung cư nghe báo cáo là tui có nuôi gà trong nhà, gáy o o sáng sớm không cho ai ngủ, nên mụ đòi kêu phú-lít. Bà xã tui năn nỉ miết, tặng luôn mụ con gà về làm thịt, mụ mới tha cho.”

Rồi ông cười buồn: “Tụi Tây nó văn minh quá, quen nghe tiếng động cơ máy móc, nên không thấy tiếng gà gáy buổi sáng là điều thú vị. Chứ nếu chịu khó nhận ra, chắc nhà ai cũng có thể nuôi từng bầy, tha hồ nghe tiếng gáy, đã lắm cô hả?”

□

Vũng Tàu, thứ Năm 16/2/1978.

*/ Vũng Tàu ở về phía nam tỉnh Đồng Nai, cách Sài Gòn 125 cây số.

*/ Thời nhà Nguyễn, khu vực Cần Giờ, Vũng Tàu, Bà Rịa là hai vùng trấn biên, phòng giữ vịnh Ghềnh Rái và đường sông lên Biên Hòa, Gia Định.

+ Sau khi chiếm được Nam Kỳ, thực dân Pháp chia tỉnh Biên Hòa thành ba tỉnh Biên Hòa, Bà Rịa, Thủ Dầu Một.

+ Vũng Tàu thuộc tỉnh Bà Rịa.

*/ Sau hiệp định Genève, thời VNCH, vào năm 1957, hai tỉnh Biên Hòa, Bà Rịa được chia thành bốn tỉnh: *Biên Hòa, Phước Tuy, Phước Long, Long Khánh*.

+ Vũng Tàu thuộc tỉnh Phước Tuy.

*/ Thời VNCS, sau khi thống nhất hai Miền, tháng 1/1976, các tỉnh Biên Hòa và Bà Rịa cũ hợp nhất lại thành *tỉnh Đồng Nai*.

+ Vũng Tàu thuộc *tỉnh Đồng Nai*.

.....

Đoàn di chuyển ra Vũng Tàu, một thị xã du lịch xinh đẹp có nhiều bãi tắm nằm dọc theo bờ biển, trong đó có những bãi vòng quanh chân núi Lớn (cao 245m) và chân núi Nhỏ (cao 170m). Ngoài những bãi tắm, Vũng Tàu còn có Thích Ca Phật Đài, Niết Bàn Tịnh xá, đều là những thắng cảnh nổi tiếng, lôi cuốn được rất nhiều du khách. Trên đỉnh núi Nhỏ (còn gọi là núi Tao Phùng) có ngọn hải đăng cao 18m với luồng ánh sáng chiếu xa 30 hải lý, đêm đêm phát ra hai vũng sáng dài kế tiếp nhau quay tròn trên bầu trời thị xã, giúp cho thuyền bè ngoài khơi được dễ dàng đi lại trên biển đêm.

Sau tháng 4/1975, dẫu rằng tất cả mọi tuồng tích đều phải viết theo một hệ thống bắt buộc và tất cả các nghệ sĩ phải khép mình vào những quy luật chung, nhưng ngành nghệ thuật sân khấu vẫn là ngành được chế độ ưu đãi nhiều nhất. Với chủ đích tuyên truyền cho chủ nghĩa mà nhà nước nhắm vào để khai thác và đòi hỏi nơi người nghệ sĩ, đôi lại, người nghệ sĩ cũng được hưởng những dễ dãi nào đó đã không được ban hành trong dân chúng nói chung.

Phải viết rằng, giữa một xã hội đảo điên về mọi mặt, những chuyến lưu diễn chính là *một cuộc nghỉ hè dài* tôi may mắn được cùng tham dự. Trên những bước giang hồ ấy, tôi có dịp biết đến nhiều vùng trời quê hương thăm thẳm, tiếp xúc với đủ giới người và chứng kiến biết bao hình ảnh, sự việc; một điều không dễ gì tìm thấy trong cuộc sống định cư.

Những ngày Vũng Tàu, tôi thường ra biển thật sớm khi bình minh chưa ló dạng. Mùa này trời hãy còn lạnh nhưng bãi biển vẫn không vắng người tắm. Lang thang trên bờ cát mịn, nhìn xa xa những chiếc thuyền nhỏ xíu giữa một vùng bao la trời, nước, tôi hình dung đến các chuyến ghe vượt hải phận mỗi ngày trên khắp các vùng duyên hải Việt Nam. Đã có bao nhiêu người thoát được cơn giận của đại dương? Bao nhiêu người vùi thây dưới biển? Có bao nhiêu người đến được an toàn bờ bến? Và bao nhiêu người chịu thua Định Mệnh? Thứ Định Mệnh khắc nghiệt, tàn bạo –giống như Shakespeare, nhà soạn kịch lấy lòng người Anh cuối thế kỷ 16 (1564-1616), đã viết trong *Roméo & Juliette*¹: “*Trong cuốn sổ đoạ trường, tên chúng ta cùng ghi ở một dòng...*” (*Dans le livre du*

¹ Tác phẩm "*Roméo & Juliette*" của ông được viết vào năm 1594-1595.

destin, nous sommes sur la même ligne...) mà cho dù ở lại hay ra đi, người dân Việt Nam vẫn không thoát được nó.

□

Paris. Khi biết ra vị giáo sư dạy vĩ cầm của tôi ở trường Nhạc Sài Gòn hai mươi năm trước đang định cư tại Pháp, một buổi tối không đi làm, tôi tìm đến thăm ông.

Ông ở ngoại ô Paris, trong một khu phố nghèo nàn của người Á Rập. Con đường dẫn vào nhà ông rác rến đồ đầy, dơ bẩn. Những vũng nước ứ đọng đen ngòm, mùi ẩm mốc tỏa ra nồng nặc. Một thoáng, tôi nhớ lại căn phố lầu sang trọng của ông trên đường Hàm Nghi ngày cũ. Có chút gì buồn bã dấy lên trong tim khi nghĩ lại những năm tháng còn theo học với ông.

Ông có vẻ vui khi gặp lại tôi, một trong ba người học trò đầu tiên sau khi ông từ Pháp trở về Việt Nam năm 1958. Sự già nua củ rũ nơi ông khiến tôi se lòng không ít. Căn phòng đơn giản với cái đàn dương cầm chiếm một vị trí rộng giữa nhà, trên nắp có để chiếc hộp vĩ cầm đóng kín. Hai chiếc ghế bọc da màu nâu đã cũ. Một cái bàn viết kê sát cửa sổ với những cuốn sách dày bày ra trên đó. Một bức tranh sơn dầu vẽ cây violon treo buồn bã trên tường.

Ông kể cho tôi nghe về cuộc sống đơn độc hiện tại của ông. Điều này từ hai mươi mấy năm qua, khi còn là học trò ông, tôi đã biết. Cuộc tan vỡ hôn nhân giữa ông và người vợ (cũng là giáo sư của tôi, dạy môn Sử nhạc) đã là một biến cố ảnh hưởng không ít đến lớp học trò ông ngày đó... Vậy mà trong một đêm giá rét ở Paris, tôi mới thấm cảm được ngần nào sự cô đơn ông đã từng nhiều năm tháng trải qua.

Ông hỏi tôi hiện đang làm gì. Tôi đáp, làm bồi bàn trong một quán café ở Paris. Ông cười chua chát: “Thuở xưa, trong các con, mỗi đứa đều phò bày mỗi khuynh hướng nhạc riêng biệt. Có đứa hợp với nhạc Mozart, có đứa hợp với nhạc Mendelssohn, nhạc Brahms, có đứa hợp với nhạc Vivaldi, nhạc Bach... Riêng con, khuynh hướng đau khổ có tính cách định mệnh của Beethoven vẫn tiềm tàng trong con, thầy đã nhận ra ngay từ ngày ấy. Nhưng thầy không nghĩ rằng có lúc đứa học trò mình phải dùng đôi tay để bưng cà-phê cho khách, thay vì chơi nhạc Beethoven!”

Có một chút ngậm ngùi rơi xuống giữa hai thầy trò. Lúc ấy, tôi đang ngồi trước lò sưởi nhìn những tia lửa xanh nhảy múa trong tiếng củi reo tí tách. Ngoài trời, tiếng gió mùa đông rít mạnh. Tôi nghe tràn ngập trong tim một tình cảm mơ hồ tiếc nuối.

Và tôi nói: “Thưa thầy có nhớ bữa cơm tối thầy đã mời con sau khi con tốt nghiệp trường Nhạc?” Ông gật đầu. Tôi tiếp: “Kỷ niệm buổi ấy đã lưu lại trong tâm trí con suốt mười mấy năm sau qua một lời thầy đã dạy: ‘Phải luôn ngừng đầu lên trong mọi hoàn cảnh, dù đau thương đến đâu chẳng nữa. Nếu không, cuộc đời sẽ đập con như đập một con kiến, và ngay chính con cũng không biết rằng mình đang bị chà đạp.’”

Ông cười buồn: “Ngày xưa thầy có dạy con như thế thật qua chính kinh nghiệm khổ đau thầy đã trải. Nhưng thầy không mong cho con đi lại bước đường của thầy.”

Tôi đáp: “Thầy đã dạy con nhiều lắm, nhiều hơn sức con có thể tiếp nhận. Tuy nhiên, ngày nay cho dù đôi tay không còn thì giờ để chơi nhạc Beethoven, nhưng thật thì tâm hồn con đang đàn trải nghị lực Beethoven con đã thu nhận được qua lời dạy của thầy một đêm ăn tối xa xưa.”

□

Thứ Ba 21/2/1978. Hát Bến Đình.

*/ Bến Đình thuộc khu phố Thắng Nhì, Vũng Tàu, rộng 1.033 mẫu, nằm dọc theo bờ biển Nam Hải, cách trung tâm thị xã Vũng Tàu 3km về hướng Đông Nam.

+ Dân cư phần lớn sống bằng nghề đánh cá. Ngư phủ không những hành nghề ngay trên chính bờ biển Vũng Tàu mà còn đi đến tận các miền xa như Cà Mau, Rạch Giá, Côn Sơn.

Trong cái đời đi theo gánh hát, tôi vẫn ưa trên hết các chuyến viễn du miền biển, nơi khí trời khoáng đạt và tâm tình người dân địa phương cũng rộng rãi dễ chịu hơn so với vùng đồng bằng và cao nguyên. Hình ảnh một chàng Vội với xóm chài lưới trong truyện *Trống Mái* của Khải Hưng (một trong những nhà văn chủ lực của nhóm Tự Lực Văn Đoàn thập niên 1930) đọc khi vừa lớn gây mãi trong óc tôi cái ấn tượng ấy.

Ý nghĩ có phần chủ quan lệch lạc, nhưng hề gì? Người ngàn xưa và người đời sau còn có thể hiểu và thương nhau ở cái tâm sự nữa là!

Những ngày Bến Đình, chúng tôi thường rủ nhau ra bến xem ghe cá trở về mỗi sáng, mỗi chiều. Thật là một quang cảnh rộn ràng vui mắt. Những chiếc ghe lớn, nhỏ tấp vào bờ. Những chiếc lưới được tháo ra. Từng con cá nhảy lên rồi lại rớt xuống giữa đàn cá im lìm chờ chết. Tiếng người lao xao mua bán. Các khuôn mặt bóng nhẫy rạng rỡ nụ cười.

Giữa nổi ồn ào của bến chợ, tôi bỗng hình dung đến “*Bàn Tay Của Thượng Đế*” trong tác phẩm điêu khắc của Rodin²; trên đó, con người chỉ là những sinh vật trần trụi yếu đuối để bất cứ lúc nào nắm ngón to lớn cũng sẵn sàng co lại thành một khối. Và tôi tự hỏi, số phận đau thương của người dân Việt Nam trong bàn tay định mệnh của Thượng Đế suốt mấy trăm năm qua có khác nào với những con cá đang quẫy đuôi một cách tuyệt vọng trong màn lưới kia chăng?

□

² Auguste Rodin, điêu khắc gia nổi tiếng người Pháp (1840-1917). Tác phẩm điêu khắc “*Bàn tay của Thượng Đế*” được tạo ra năm 1898.